

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **737** /SNV-XDCQ
V/v lấy ý kiến về xây dựng
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Đắk Nông, ngày **04** tháng **6** năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 01 năm 2021. Trong đó, giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 và Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Thông báo số 07/TB-HĐND ngày 16/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết luận Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến danh mục các nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 2, thứ 3 khóa IV.

Vì vậy, Sở Nội vụ đã xây dựng dự thảo Tờ trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc ban hành "*Quy định chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*" (gửi kèm theo).

Để thực hiện việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh theo đúng trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nội vụ kính đề nghị:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn góp ý dự thảo nội dung Tờ trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh nêu trên và gửi nội dung góp ý về Sở Nội vụ trước **ngày 04 tháng 7 năm 2021**.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp đăng tải nội dung các dự thảo nêu trên lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông tại địa chỉ: <http://daknong.gov.vn/>.

Nhận được văn bản này đề nghị quy cơ quan, đơn vị phối hợp, thực hiện./. *Qu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XDCQ.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Hương

Số: /TTr-UBND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Thông báo số 07/TB-HĐND ngày 16/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về kết luận Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến Danh mục các Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 2, thứ 3 khóa IV; trong đó, thống nhất cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 3, khóa IV đối với Nghị quyết về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết “*Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố (gọi tắt là thôn, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*”, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

Sau khi triển khai, thực hiện chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở, theo quy định tại Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND*) và Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*gọi tắt là Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND*) đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế cụ thể như sau:

1. Về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1.1. Đối với chức danh Thủ quỹ - văn thư – lưu trữ

Tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND quy định mức phụ cấp đối với chức danh Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ bằng hệ số 1,8 so với mức lương cơ sở. Mức phụ cấp nêu trên là rất thấp, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao của chức danh. Vì vậy, cần thiết phải tăng mức phụ cấp cho chức danh này.

Thứ nhất, về cơ sở pháp lý:

- Thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 19, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định như sau: “*Quyết định số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố ...*”.

- Tại khoản 5, Điều 2, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định những nội dung: “*Quy định cụ thể về mức phụ cấp từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã...*”

Thứ hai, cơ sở thực tiễn:

- Hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước đang được triển khai và phát triển mạnh mẽ. Vì vậy đối với chức danh Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ có khối lượng công việc nhiều, đòi hỏi phải có mặt trong giờ hành chính tại đơn vị để xử lý văn bản điện tử (*Ngoài ra, còn thực hiện công tác đóng dấu phát hành, văn bản công tác thủ quỹ*). Tuy nhiên, với mức phụ cấp bằng hệ số 1,8 so với mức lương cơ sở/tháng là thấp so với khối lượng công việc đảm nhận, chưa tương xứng với công sức người lao động bỏ ra.

- Đối chiếu mức ngày công lao động trên địa bàn tỉnh thì mức phụ cấp nêu trên tương ứng khoản 10 ngày công lao động phổ thông (*mức ngày công phổ thông trên địa bàn tỉnh khoảng trên 200.000/ngày*). Vì vậy, việc tăng phụ cấp là hết sức cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

1.2. Đối với chức danh Văn phòng – Tuyên giáo Đảng ủy, Tổ chức – Kiểm tra Đảng ủy

Tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phụ cấp đối với chức danh Văn phòng – Tuyên giáo đảng ủy, Tổ chức – Kiểm tra bằng hệ số 1,6 so với mức lương cơ sở, chưa phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh, không đảm bảo được cuộc sống của người lao động.

Về cơ sở pháp lý: Theo điểm 1.1 nêu trên.

Về cơ sở thực tiễn: Hai chức danh này có khối lượng công việc nhiều, phải có mặt trong giờ hành chính tại đơn vị để tham mưu Đảng ủy cấp xã các kế hoạch, báo cáo công tác đảng (kiểm tra đảng, xét kết nạp đảng, hồ sơ đảng viên...). Trong đó, có một số xã, phường, thị trấn có hơn 700 đảng viên đòi hỏi các chức danh nêu trên cần phải có thời gian nghiên cứu, tham mưu. Tuy nhiên, với mức phụ cấp bằng hệ số 1,6 so với mức lương cơ sở (trên 2 triệu

đồng/tháng) là thấp so với khối lượng công việc đảm nhận, chưa bằng 10 ngày công lao động phổ thông tại địa phương.

Vi vậy, việc tăng mức phụ cấp cho 02 chức danh này là hết sức cần thiết.

1.3. Đối với chức danh nhân viên Thú y thôn, bản

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ thành viên UBND tỉnh tháng 01/2021. Theo đó, tích hợp “*Nghị quyết quy định việc bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*” của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào “*Nghị quyết sửa đổi nội dung Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*”.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 63 nhân viên thú y cấp xã làm việc trên tổng số 71 xã, phường, thị trấn (trong đó, huyện Tuy Đức chưa thực hiện ký hợp đồng nhân viên thú y xã năm 2021; huyện Krông Nô có 10 nhân viên thú y xã trên tổng số 12 xã, thị trấn).

a) Về trình độ chuyên môn: Đại học: 6 người, chiếm 10%; Cao đẳng 10 người, chiếm 16%. Trung cấp: 38 người, chiếm 60%. Sơ cấp: 09 người, chiếm 14%.

b) Về chế độ, phụ cấp:

+ Từ tháng 3/2008 đến tháng 12/2010 nhân viên thú y cấp xã được hưởng phụ cấp 450.000 đồng/người/tháng, chưa được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

+ Từ tháng 01/2011 đến nay nhân viên thú y cấp xã được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,72 so với mức lương tối thiểu hiện hành, chưa được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Từ khi thành lập đến nay, hệ thống nhân viên thú y đã có những đóng góp tích cực và quan trọng trong việc tham mưu và tổ chức thực hiện công tác thú y trên địa bàn cấp xã, bảo vệ cho sản xuất chăn nuôi phát triển, đồng thời cũng luôn nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền về chính sách đãi ngộ và tạo điều kiện thuận lợi để làm việc.

Với mức phụ cấp như trên so với thời điểm hiện tại đã không đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ nhân viên y tế cấp xã phải thực hiện, cụ thể:

- Số lượng gia súc, gia cầm tăng, phạm vi chăn nuôi rộng, địa điểm phân tán, để quản lý, giám sát tình hình chăn nuôi, dịch bệnh trên địa bàn nhân viên thú y xã phải dành nhiều thời gian, công sức để nắm bắt thông tin, tổng hợp tình hình báo cáo chính quyền và cơ quan thú y.

- Nhiều loại dịch bệnh nguy hiểm mới xuất hiện như: Lở mồm long móng (LMLM), Cúm gia cầm (H5N1), Tai xanh ở lợn, Dịch tả lợn Châu Phi... với tính chất diễn biến phức tạp đòi hỏi nhân viên thú y cấp xã phải tăng cường giám sát, kịp thời phòng chống dịch khi mới phát hiện.

- Hiện nay, giá cả thị trường biến động theo chiều hướng tăng, để thực hiện nhiệm vụ nhân viên thú y cấp xã phải chi phí nhiều hơn như: Xăng xe, điện thoại...trong khi phụ cấp thấp, chưa tương xứng với công việc phải thực hiện.

- Nhân viên thú y cấp xã chưa được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nên chưa thực sự yên tâm công tác, tâm huyết với nghề... Từ đó chưa thu hút được lực lượng đội ngũ trẻ, có năng lực và trình độ chuyên môn.

Theo quy định tại khoản 4, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng có chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố “*Kiểm toàn, củng cố hệ thống thú y các cấp theo đúng quy định của Luật thú y, tăng cường năng lực thú y các cấp đủ sức thực thi nhiệm vụ*”; tại khoản 2, Điều 6 của Luật Thú y năm 2015 quy định “*Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn*”; tại Công văn số 1569/TTg-NN ngày 19/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nhân viên thú y xã quy định “*Đồng ý nguyên tắc để các địa phương thực hiện hỗ trợ cho nhân viên thú y cấp xã bằng hệ số 1 so với mức tiền lương tối thiểu hiện hành. Căn cứ mức quy định này và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức hỗ trợ cho phù hợp*”.

Do đó, việc bổ sung chức danh nhân viên thú y cấp xã là người hoạt động không chuyên trách cấp xã là cần thiết.

1.4. Đối với chức danh Phó Công an xã

Đối với chức danh Phó Công an xã. Hiện nay, tỉnh Đắk Nông đã triển khai thực hiện Đề án điều động Công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh Trưởng Công an, Phó Công an xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Cơ bản đã bố trí xong lực lượng công an chính quy về công tác tại xã đảm nhận các chức danh Trưởng, phó Công an xã, Công an viên ở xã.

Căn cứ Điều 2, Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về quy định việc xây dựng công an xã, thị trấn chính quy quy định: “*Công an xã chính quy là Công an cấp cơ sở, bố trí ở các đơn vị hành chính xã, thị trấn, thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân...*”

Chức danh Phó Công an xã là những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được quy định tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định hiện hành.

Vì vậy, việc không đưa chức danh này vào người hoạt động không chuyên trách là phù hợp và đảm bảo quy định.

2. Về mức phụ cấp kiêm nhiệm

Tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND quy định: “*Mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người hoạt động ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố là 50% mức phụ cấp cao nhất và quy định việc khoán kinh phí hỗ trợ cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã*”.

Về cơ sở pháp lý: Thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh đã giải trình tại điểm 1.1 của mục 1 nêu trên.

Về cơ sở thực tiễn: Qua thực tiễn nhận thấy việc chi trả phụ cấp kiêm nhiệm như trên là rất thấp. Trong thời gian qua, số lượng, chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được sắp xếp theo hướng tinh gọn bộ máy, một người phải kiêm nhiệm thêm các chức danh khác với khối lượng công việc nhiều, trách nhiệm cao nhưng với mức phụ cấp kiêm nhiệm quy định như trên là thấp, chưa tạo được động lực khuyến khích kiêm nhiệm. Bên cạnh đó, kinh phí đã khoán cụ thể theo chức danh, việc tăng mức phụ cấp kiêm nhiệm không làm phát sinh kinh phí.

Do đó, việc tăng mức phụ cấp này là hợp lý.

3. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND quy định những người hoạt động ở cơ sở (ngoài 03 chức danh chủ chốt gồm: Bí thư Chi bộ, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng thôn, ban, Trưởng ban Công tác Mặt trận) không được hưởng phụ cấp hàng tháng, chỉ được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia công việc của thôn, ban, tổ dân phố được tính theo ngày công lao động bằng 0,1 mức lương cơ sở; trong quá trình triển khai vẫn còn một số bất cập như chưa thống nhất cách thực hiện trong việc chấm công và thanh, quyết toán dẫn đến việc chi trả kinh phí ở các địa phương gặp nhiều khó khăn, khó kiểm soát (không có quy định Tổ trưởng hay Bí thư thôn thực hiện công tác chấm công dẫn đến khó khăn khi tổ chức chấm công).

Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự thì quy định mức chi trả cho người tham gia vào công tác ở thôn, tổ dân phố là khoảng trên 2.000.000đ/tháng; đối với các thôn, tổ dân phố còn lại khoảng 700.000đ/tháng. Số tiền này chi trả chi các đối tượng tham gia công việc của thôn, tổ dân phố với mức bồi dưỡng tính theo ngày công lao động bằng hệ số 0,1 mức lương cơ sở. Tuy nhiên, nếu trong tháng đó có số lượng công việc nhiều, số tiền trên đã chi trả hết cho các đợt chấm công đầu tiên (700.000 đồng chi được khoảng 5 công) thì những trường hợp còn lại không có tiền chi trả nên dẫn đến nhiều bất cập.

Việc chi trả nêu trên ảnh hưởng lớn đến hoạt động cơ sở khi kêu gọi tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố hết sức khó khăn, không tạo động lực cho người tham gia hoạt động (ví dụ qua kỳ bầu cử đại biểu QH, HĐND các cấp vừa qua, việc huy động các đối tượng này tham gia công việc của thôn, tổ dân phố rất khó).

Bên cạnh đó, hiện nhiều tỉnh thành trên cả nước (như tỉnh: Bình Phước, Bình Dương, Bắc Kạn, Kon Tum...) đang áp dụng hình thức khoán quỹ phụ cấp hàng tháng cho các chức danh tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố.

Vì vậy, việc sửa đổi nội dung này là hết sức cần thiết, đảm bảo được ổn định của hệ thống chính trị ở cơ sở.

4. Nhân viên y tế thôn bản

Tại Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mỗi thôn, TDP chỉ có 01 nhân viên y tế.

Tuy nhiên, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, số lượng nhân viên y tế thôn, bản không đáp ứng được nhu cầu cấp bách dẫn đến việc tuyên truyền, tiêm chủng, kiểm soát bệnh bị hạn chế.

Vì vậy, kiến nghị, đề xuất điều chỉnh từ 01 đến 02 nhân viên y tế tại mỗi thôn, TDP, căn cứ theo quy mô dân số và địa bàn hoạt động để bố trí sao cho phù hợp với Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

III. Mục đích, quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết mới phải đảm bảo theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Cơ chế, chính sách phải được xây dựng trên quy định của nhà nước. Trong đó tập trung trên nguồn ngân sách của Trung ương, đồng thời địa phương tự cân đối thêm nhằm đảm bảo việc chi trả, chế độ, chính sách phù hợp với thực tiễn của tỉnh Đắk Nông.

Đảm bảo hài hòa trong việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ những người không chuyên trách ở cơ sở, hạn chế việc xáo trộn, chòng chẹo giữa các lĩnh vực.

IV. Quá trình xây dựng

Trên cơ sở chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp thành viên UBND tỉnh tháng 01 năm 2021, trong đó: Giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND vào năm 2021.

Ngày 15/3/2021, cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Tờ trình số 1038/TTr-UBND tỉnh xin chủ trương của Thường trực HĐND tỉnh trong đó có nội dung ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

Ngày 16/3/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh có Thông báo số 07/TB-HĐND Thông báo kết luận Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến Danh mục các Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 2, thứ 3 khóa IV. Thống nhất nội dung trình của UBND tỉnh tại Tờ trình 1038/TTr-UBND nêu trên.

Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 385/BC-UBND ngày 31/5/2021 về sơ kết các Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

Ngày 27/5/2021, Sở Nội vụ chủ trì cuộc họp, tham dự cuộc họp có đại diện các Sở: Y tế, Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, công an tỉnh và đại diện UBND các huyện, thành phố về việc định hướng xây dựng dự thảo Nghị quyết nêu trên....

V. Bố cục, nội dung

1. Bố cục, nội dung dự thảo Nghị quyết gồm:

1.1. Nghị quyết gồm 03 Điều (từ Điều 01 đến Điều 03).

1.2. Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh gồm 3 Chương và 12 Điều như sau:

Chương I: Quy định chung (gồm 02 Điều, từ Điều 01 đến Điều 02).

Chương II. Chức danh, số lượng và mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (gồm 09 Điều, từ Điều 03 đến Điều 11).

Chương III: Tổ chức thực hiện (gồm Điều 12).

2. Nội dung

2.1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Số lượng:

Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, cụ thể:

- Cấp xã loại 1: Bố trí tối đa không quá 14 người.
- Cấp xã loại 2: Bố trí tối đa không quá 12 người.
- Cấp xã loại 3: Bố trí tối đa không quá 10 người.

Tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đã quy định:

- Cấp xã loại 1: Bố trí tối đa không quá 11 người.
- Cấp xã loại 2: Bố trí tối đa không quá 10 người.
- Cấp xã loại 3: Bố trí tối đa không quá 09 người.

Đề xuất bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở dự thảo Nghị quyết mới cụ thể như sau:

- Cấp xã loại 1: Bố trí tối đa không quá 12 người.
- Cấp xã loại 2: Bố trí tối đa không quá 11 người.
- Cấp xã loại 3: Bố trí tối đa không quá 10 người.

Lý do:

- Cơ sở pháp lý: Đảm bảo theo đúng Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Cơ sở thực tiễn: Qua khảo sát tình hình thực tế, hiện nay nếu bố trí số người làm việc theo Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND là chưa thực sự phù hợp. Đồng thời, hiện nay có tăng thêm chức danh Nhân viên thú y là người không chuyên trách ở cấp xã.

Vì vậy, đề xuất tăng số lượng người không chuyên trách ở cấp xã như trên là hợp lý.

b) Chức danh và phụ cấp:

* Chức danh: 13 chức danh, gồm:

- Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ;
- Cán bộ Đài truyền thanh – Quản lý Nhà văn hóa;
- Cán bộ Văn phòng – Tuyên giáo Đảng ủy;
- Cán bộ Tổ chức – Kiểm tra Đảng ủy;
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã;
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã;
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Nhân viên thú y;
- Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

*** Nội dung điều chỉnh, thay thế so với Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:**

- Bỏ chức danh Phó Công an xã. Hiện nay, tỉnh Đắk Nông đã triển khai thực hiện Đề án điều động Công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh Trưởng Công an, Phó Công an xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, phù hợp Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về quy định việc xây dựng công an xã, thị trấn chính quy.

- Thêm chức danh Nhân viên thú y. Thực hiện đúng ý kiến chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ thành viên UBND tỉnh tháng 01/2021, phù hợp với quy định tại khoản 4, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng có chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố “*Kiện toàn, củng cố hệ thống thú y các cấp theo đúng quy định của Luật thú y, tăng cường năng lực thú y các cấp đủ sức thực thi nhiệm vụ*”; tại khoản 2, Điều 6 của Luật Thú y năm 2015 quy định “*Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban*

nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn”.

c) Mức phụ cấp:

- Cơ sở tính phụ cấp, đợt trước tăng khoảng trên 10%. Bên cạnh đó, ngân sách của tỉnh đang trong thời kỳ ổn định việc tăng phụ cấp cơ bản thực hiện trên việc tinh gọn đội ngũ không chuyên trách ở cơ sở, về cơ bản không phát sinh ngân sách địa phương.

STT	Chức danh	Mức phụ cấp cũ	Mức đề xuất	Số lượng	Mức tăng, giảm so với Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND	Ghi chú
1	Phó Chỉ huy Quân sự	1,8	1,8	71	Giữ nguyên	Thực hiện theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020
2	Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ	1,8	2,0	71	Tăng 0,2	
3	Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo Đảng ủy	1,4	1,6	71	Tăng 0,2	
4	Cán bộ Tổ chức – Kiểm tra Đảng ủy	1,4	1,6	71	Tăng 0,2	
5	Phụ trách Đài truyền thanh – Quản lý Nhà văn hóa	1,6	1,6	71	Giữ nguyên	
6	Phó Chủ tịch UBMTTQVN xã	1,2	1,2	71	Giữ nguyên	
7	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1,2	1,2	71	Giữ nguyên	
8	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1,2	1,2	71	Giữ nguyên	
9	Phó Chủ tịch Hội CCB	1,1	1,1	71	Giữ nguyên	
10	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1,1	1,1	71	Giữ nguyên	

11	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	1,1	1,1	71	Giữ nguyên	
12	Phó Chủ tịch Hội LHPN	1,1	1,1	71	Giữ nguyên	
13	Nhân viên thú y	0,72	1,1	71	Mới (tăng 0,38)	

d) Khoản quỹ phụ cấp:

Ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn như sau:

- Cấp xã loại 1: Mức khoán là 24,80 mức lương cơ sở/xã/tháng.
- Cấp xã loại 2: Mức khoán là 21,80 mức lương cơ sở/xã/tháng.
- Cấp xã loại 3: Mức khoán là 21,67 mức lương cơ sở/xã/tháng.

Cơ sở tính mức khoán trên như sau:

Thực hiện theo quy định tại điểm 1, điểm 2, khoản 5, Điều 2, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó mức khoán kinh phí theo phân loại đơn vị hành chính, bao gồm mức kiêm nhiệm để đảm bảo số lượng người theo phân loại xã và hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, cụ thể:

- Đối với xã loại 1, có 13 chức danh, mỗi chức danh bố trí 01 người (trong đó chức danh *Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự cấp xã và Phó Chủ tịch MTTQ Việt Nam cấp xã được bố trí hai người*), tổng cộng gồm 15 người. Như vậy, để đảm bảo số lượng theo quy định xã loại 01 không quá 12 người, sẽ có ít nhất 03 người phải kiêm nhiệm. Mức phụ cấp khoán cho xã loại 1 bao gồm mức khoán cho 12 người có mức cao nhất, cộng thêm mức khoán cho 03 người kiêm nhiệm (mỗi người này sẽ được 90% mức kiêm nhiệm) và cộng thêm mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Đối với xã loại 2, có 13 chức danh, mỗi chức danh bố trí 01 người (trong đó *Phó Chủ tịch MTTQ Việt Nam cấp xã được bố trí hai người*), tổng cộng gồm 14 người. Như vậy, để đảm bảo số lượng theo quy định xã loại 01 không quá 11 người, sẽ có ít nhất 03 người phải kiêm nhiệm. Mức phụ cấp khoán cho xã loại 1 bao gồm mức khoán cho 11 người có mức cao nhất, cộng thêm mức khoán cho 03 người kiêm nhiệm (mỗi người này sẽ được 90% mức kiêm nhiệm) và cộng thêm mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Đối với xã loại 3, có 13 chức danh, mỗi chức danh bố trí 01 người (trong đó *chức danh Phó Chủ tịch MTTQ Việt Nam cấp xã được bố trí hai người*), tổng cộng gồm 14 người. Như vậy, để đảm bảo số lượng theo quy định xã loại 01 không quá 10 người, sẽ có ít nhất 04 người phải kiêm nhiệm. Mức phụ cấp khoán cho xã loại 1 bao gồm mức khoán cho 11 người có mức cao

nhất, cộng thêm mức khoán cho 04 người kiêm nhiệm (*mỗi người này sẽ được 90% mức kiêm nhiệm*) và cộng thêm mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Về kinh phí: Giảm 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) so với quy định chi tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, cụ thể:

+ Giảm mức hỗ trợ 2,0 phụ cấp hàng tháng đối với các xã có diện tích lớn hơn 10.000 ha.

+ Giảm khi bỏ nội dung chi cho công an chính quy.

Nhìn chung, về quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức khoán quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 19, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và tại khoản 5, Điều 2, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ. Vì vậy, việc đề xuất như trên là phù hợp theo quy định hiện hành và thực tế của tỉnh Đắk Nông.

2.2. Người không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Chức danh và số lượng:

Thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ. Số lượng không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghị quyết mới quy định gồm có 03 người và 03 chức danh, cụ thể:

- Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố.
- Trưởng thôn, tổ dân phố.
- Trưởng ban Công tác mặt trận thôn, tổ dân phố.

b) Mức phụ cấp:

Căn cứ quy định tại khoản 6, Điều 2, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố như sau:

- Đối với thôn thuộc xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn thì mức phụ cấp như sau:

- + Bí thư chi bộ: 1,2 mức lương cơ sở/tháng.
- + Trưởng thôn: 1,2 mức lương cơ sở/tháng.
- + Trưởng ban Công tác mặt trận thôn: 1,0 mức lương cơ sở/tháng.

- Đối với thôn, tổ dân phố còn lại:

- + Bí thư chi bộ: 1,0 mức lương cơ sở/tháng.
- + Trưởng thôn: 1,0 mức lương cơ sở/tháng.
- + Trưởng ban Công tác mặt trận thôn: 0,8 mức lương cơ sở/tháng.

So với Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thì nội dung này vẫn phù hợp với tình hình thực tế và quy định hiện hành tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

2.3. Đối với bảo vệ dân phố

a) Số lượng:

- Trưởng Ban bảo vệ dân phố: Mỗi phường, thị trấn bố trí 01 người.
- Phó Ban bảo vệ dân phố: Mỗi phường, thị trấn bố trí 01 người.
- Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố: Mỗi tổ dân phố bố trí 01 người.
- Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố: Mỗi tổ dân phố bố trí 01 người.
- Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: Mỗi tổ dân phố bố trí không quá 05 người.

b) Mức phụ cấp:

- Trưởng Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,9 so với mức lương cơ sở/tháng (trước đây theo Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND là 0,5/tháng).

- Phó Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,8 so với mức lương cơ sở (trước đây theo Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND là 0,45/tháng).

- Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở (trước đây theo Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND là 0,4/tháng).

- Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở (trước đây theo Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND là 0,35/tháng).

- Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở (trước đây theo Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND là 0,2/tháng).

So với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND thì mức phụ cấp của của thành viên Tổ bảo vệ dân phố tăng lên.

Thời gian qua lực lượng bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh đã được củng cố về tổ chức, chất lượng hiệu quả công tác ngày càng được nâng cao. Bảo vệ dân phố có trách nhiệm làm vai trò nòng cốt trong việc thực hiện phong trào quần chúng, bảo vệ an ninh Tổ quốc, thực hiện một số biện pháp công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, nhằm bảo vệ Đảng, chính quyền, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn. Hằng ngày, lực lượng Bảo vệ dân phố đều trực với Công an phường, thị trấn; duy trì thường xuyên các chốt gác và tuần tra khép kín địa bàn, phát hiện bắt quả tang nhiều vụ cướp giật, trộm cắp tài sản, ngăn chặn các vụ đánh nhau gây mất trật tự công cộng, thực hiện vận động toàn dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hóa, giúp đỡ người lầm lỗi; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội tham gia quản lý, giáo dục đối tượng tại cộng đồng dân cư; phối hợp với lực lượng Công an rà soát, phân loại các đối tượng trên địa bàn quản lý, từ đó có kế hoạch giúp đỡ từng đối tượng tại cộng đồng dân cư; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tạo điều kiện công ăn, việc làm, giúp đỡ người lầm lỗi tái hòa nhập cộng đồng; đặc thù công việc của lực lượng Bảo vệ dân phố gắn với công tác bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở, của lực lượng Công an, thường xuyên phải tuần tra khép kín địa bàn cả ngày và đêm, công việc có những lúc nguy hiểm đến tính mạng, nhưng chế độ chính sách chưa tương ứng với công sức lực lượng

này đóng góp cho xã hội. Do vậy, nâng mức phụ cấp cho lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh là một yêu cầu cấp thiết, bảo đảm cho lực lượng này trang trải một phần trong cuộc sống và gia đình trong điều kiện hiện nay, để họ yên tâm công hiến đóng góp nhiều hơn cho xã hội, giúp tình hình an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở bình yên, ổn định tạo điều kiện để Nhân dân, doanh nghiệp phát triển kinh tế, xã hội.

Về kinh phí: Giảm 800 triệu so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND (do bỏ chức danh Công an viên xã tại Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).

Về kinh phí: Tăng khoảng 4 tỷ đồng so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND do tăng thêm mức phụ cấp.

2.4. Đối với Công an viên ở thôn

a) Số lượng: Mỗi thôn bố trí 01 công an viên.

So với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND thì không bố trí 02 công an viên thường trực ở Trụ sở xã mà chỉ bố trí 01 công an viên ở thôn.

Hiện nay, các xã đã bố trí 100% công an xã chính quy thường trực. Do đó, nội dung bố trí công an viên ở xã không còn phù hợp.

b) Mức phụ cấp: Hưởng theo mức phụ cấp bằng hệ số 0,9 so với mức lương cơ sở (trước đây theo Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND là 0,5/tháng).

Lực lượng Công an viên ở thôn chủ yếu thuộc các xã địa bàn vùng sâu, khu vực biên giới. Công an viên ở thôn phụ trách quản lý địa bàn rộng, quản lý giáo dục các loại đối tượng, tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, đường xá đi lại khó khăn, tình hình an ninh trật tự phức tạp; đặc thù công việc thường xuyên đối mặt, nguy hiểm đến tính mạng, nhưng chế độ chính sách chưa tương ứng với công sức công an viên đã đóng góp cho xã hội. Do đó đề xuất nâng mức phụ cấp để góp phần hỗ trợ, động viên Công an viên ở thôn phù hợp với tình hình hiện nay.

Về kinh phí: Tăng khoảng 4 tỷ đồng so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND do tăng mức phụ cấp.

Nhìn chung, việc bố trí số lượng, mức phụ cấp cho công an viên ở thôn đảm bảo đúng Nghị định số 73/2009/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

2.5. Đối với Nhân viên y tế thôn, bản

a) Số lượng:

Mỗi thôn: Tùy vào quy mô dân số và diện tích có thể được bố trí từ 01-02 Nhân viên y tế thôn, bản. So với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND thì có sự thay đổi về số lượng nhân viên y tế tại mỗi thôn (trước đây mỗi thôn chỉ bố trí 01 người).

Mỗi tổ dân phố bố trí 01 Nhân viên y tế thôn, bản.

Lý do như sau:

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định được bố trí ở thôn từ 01 đến 02 người tùy quy mô dân số.

- Cơ sở thực tiễn:

+ Tình hình dịch COVID-19 đang diễn biến hết sức phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ tại tỉnh Đắk Nông, dịch bệnh Bạch hầu đang gia tăng tại các cụm dân cư thuộc thôn, bon xa trung tâm ở một số huyện như Đắk G'Long, Krông Nô, Tuy Đức...trong khi đó mỗi thôn bản chỉ có 01 nhân viên y tế thôn, thực hiện các nhiệm vụ tương đối nhiều và khó khăn (*như tham gia chăm sóc sức khỏe ban đầu tại thôn, bản; tuyên truyền, giáo dục sức khỏe; Sơ cứu ban đầu và chăm sóc bệnh thông thường; thực hiện ghi chép, báo cáo kịp thời, đầy đủ theo hướng dẫn của trạm y tế xã; tham gia thực hiện các chương trình y tế tại thôn, bản, hoạt động chuyên môn về y tế tại cộng đồng; Quản lý và sử dụng hiệu quả Tủ y tế thôn bản và tham gia giao ban định kỳ với trạm y tế xã; ...*);.

+ Hiện rất nhiều thôn sau khi sáp nhập có diện tích rất lớn, dân cư thưa, đường đi lại rất khó khăn, nhân viên y tế thôn lại kiêm nhiệm thêm công tác phụ nữ, nông dân, thanh niên rất khó đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ y tế thôn;

+ Thực trạng cho thấy thôn có hai hay nhiều cụm dân cư biệt lập khá phổ biến ở tất cả các huyện, thành phố. Riêng huyện Đắk G'Long là một huyện có địa hình đồi núi dốc, quanh co, diện tích rộng, dân cư thưa thớt ở cách xa trung tâm xã, đường sá đi lại khó khăn, trơn trượt vào mùa mưa nên rất khó khăn cho cán bộ Y tế thu thập thông tin cũng như nắm bắt tình hình dịch bệnh trên địa bàn. Bên cạnh đó, diện tích của các thôn bon rất rộng, các hộ dân ở cách xa nhau, trong khi đó ngoài 61 thôn,bon tại huyện Đắk G'Long đã phát sinh thêm **17 cụm dân cư**, hiện tại 17 cụm dân cư này không có y tế thôn hoạt động nên rất khó khăn cho đội ngũ Y tế thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn, cũng như công tác phòng chống dịch bệnh;

Từ những khó khăn nêu trên, việc bố trí từ 01 đến 02 Nhân viên y tế thôn, bản tùy theo thôn, bon có quy mô dân số lớn; thôn, bon có nhiều cụm dân cư biệt lập theo hướng mỗi thôn, TDP là cần thiết.

b) Mức phụ cấp.

- Đối với vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở/người/tháng.

- Đối với các thôn còn lại: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở/người/tháng. Mức phụ cấp bằng hệ số 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng.

- Đối với tổ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở/người/tháng.

So với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND thì mức phụ cấp đối với Nhân viên y tế thôn, bản không thay đổi, phù hợp với tình hình thực tế.

Về kinh phí tăng thêm 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

2.6. Bồi dưỡng khi tham gia công việc của thôn, tổ dân phố

Bộ nội dung quy định "Người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố ngoài 03 danh nêu trên không hưởng phụ cấp hàng tháng mà được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố với mức bồi dưỡng tính theo ngày công lao động bằng hệ số 0,1 mức lương cơ sở". Và nội dung này chỉ khoán trực tiếp cho một số người công tác ở thôn, tổ dân phố bằng số tiền cụ thể: Ví dụ: Phó bí thư, phó thôn, trưởng các chi hội chính trị - xã hội.

Lý do:

Thứ nhất, hiện nhiều tỉnh thành trên cả nước (như tỉnh: Bình Phước, Bình Dương, Bắc Kạn, Kon Tum...) đang áp dụng hình thức khoán quỹ phụ cấp hàng tháng cho các chức danh tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố;

Thứ hai, qua báo cáo của các huyện, thành phố và khảo sát của Sở Nội vụ, các địa phương cũng đề xuất theo phương án khoán số tiền cụ thể để dễ chi trả và thực hiện;

Thứ ba, trong quá trình triển khai vẫn còn một số bất cập như chưa thống nhất cách thực hiện trong việc chấm công và thanh, quyết toán dẫn đến việc chi trả kinh phí ở các địa phương gặp nhiều khó khăn, khó kiểm soát (không có quy định Tổ trưởng hay Bí thư thôn thực hiện công tác chấm công dẫn đến khó khăn khi tổ chức chấm công).

Thứ tư, các chức danh Phó Bí thư chi bộ thôn, TDP, phó thôn, trưởng phó các chi hội: Nông dân, phụ nữ, cựu chiến binh, đoàn thanh niên ở thôn, TDP vẫn có trong điều lệ, quy định của các Tổ chức đó.

Thứ năm, Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự thì quy định mức chi trả cho người tham gia vào công tác ở thôn, tổ dân phố là khoảng trên 2.000.000đ/tháng; đối với các thôn, tổ dân phố còn lại khoảng 700.000đ/tháng. Số tiền này chi trả cho các đối tượng tham gia công việc của thôn, tổ dân phố với mức bồi dưỡng tính theo ngày công lao động bằng hệ số 0,1 mức lương cơ sở. Tuy nhiên, nếu trong tháng đó có số lượng công việc nhiều, số tiền trên đã chi trả hết cho các đợt chấm công đầu tiên (700.000 đồng chỉ được khoảng 5 công) thì những trường hợp còn lại không có tiền chi trả nên dẫn đến nhiều bất cập.

Thứ sáu, việc chi trả nêu trên ảnh hưởng lớn đến hoạt động cơ sở khi kêu gọi tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố hết sức khó khăn, không tạo động lực cho người tham gia hoạt động (ví dụ qua kỳ bầu cử đại biểu QH, HĐND các cấp vừa qua, việc huy động các đối tượng này tham gia công việc của thôn, tổ dân phố rất khó).

Vì vậy, dự kiến mức bồi dưỡng tính khoán theo ngày công lao động và được tính hàng tháng tại dự thảo Nghị quyết mới cụ thể như sau:

a) Đối với thôn, tổ dân phố trên 350 hộ dân, thôn, tổ dân phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về An ninh, quốc phòng

- Đối với Phó Bí thư, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 800.000 đồng/người/tháng.

- Đối với các Chi hội trưởng các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên hiệp phụ nữ ở thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 550.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với thôn, tổ dân phố còn lại

- Đối với Phó Bí thư, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 700.000 đồng/người/tháng.

- Đối với các Chi hội trưởng các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên hiệp Phụ nữ ở thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 500.000 đồng/người/tháng.

Kinh phí tăng thêm 22.000.000.000 đồng (*hai mươi hai tỷ đồng*) so với Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND. Về đối chiếu kinh phí giữa dự thảo Nghị quyết mới so với mức cũ: **Có bảng phụ lục kèm theo.**

2.7. Phụ cấp kiêm nhiệm

Tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND thì mức phụ cấp đối với những người không chuyên trách ở cơ sở chỉ được hưởng 50% mức phụ cấp kiêm nhiệm của chức danh có mức phụ cấp cao nhất, do đó chưa khuyến khích được việc kiêm nhiệm, tinh giảm số lượng, dẫn đến mức thu nhập của người không chuyên trách ở cơ sở chưa cao, kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng giống như kiêm nhiệm 01 chức danh.

Đối với dự thảo Nghị quyết mới, quy định tăng lên mức phụ cấp kiêm nhiệm và quy định rõ về đối tượng kiêm nhiệm, cụ thể:

a) Cán bộ, công chức cấp xã chỉ được kiêm nhiệm 01 chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm là 90% phụ cấp của chức danh không chuyên trách đó.

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố chỉ được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh không chuyên trách. Mức phụ cấp khi kiêm nhiệm 01 chức danh là 90% mức phụ cấp của chức danh đó. Nếu kiêm nhiệm 02 chức danh thì được hưởng 90% mức phụ cấp của từng chức danh kiêm nhiệm đó.

Việc quy định mức phụ cấp kiêm nhiệm này theo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 19, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

Về kinh phí: Không làm phát sinh kinh phí vì đã khoán cụ thể cho từng chức danh.

2.8. Hỗ trợ kinh phí khi nghỉ việc

Tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND quy định "*Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi dôi dư trong quá trình sắp xếp lại đội ngũ nhằm tinh gọn bộ máy nếu có thời gian công tác liên tục hoặc cộng dồn, có đủ hồ sơ quy định, khi nghỉ việc theo chế độ được hỗ trợ kinh phí nghỉ việc 01 lần,*

cứ mỗi năm công tác được hưởng ½ lần mức phụ cấp hằng tháng hiện hưởng (ngoài hưởng chế độ theo BHXII). Cán bộ, công chức cấp xã khi thôi kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã thì không được nhận chế độ hỗ trợ này”.

Tuy nhiên, đối với các đối tượng khác (*không phải do sắp xếp lại đội ngũ nhằm tinh gọn bộ máy*) khi nghỉ việc lại không được hỗ trợ mức phụ cấp này dẫn đến nhiều bất cập.

Do đó, tại dự thảo Nghị quyết mới có điều chỉnh quy định này như sau: *“Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi nghỉ việc nếu có thời gian công tác liên tục hoặc cộng dồn, có đủ hồ sơ quy định, khi nghỉ việc theo chế độ được hỗ trợ kinh phí nghỉ việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng ½ lần mức phụ cấp hằng tháng hiện hưởng (ngoài hưởng chế độ theo BHXH). Cán bộ, công chức cấp xã khi thôi kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã thì không được nhận chế độ hỗ trợ này”.* Nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc.

2.9. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

- Mức khoán kinh phí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã: 20.000.000 đồng/năm.

- Mức khoán kinh phí của các đoàn thể: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cấp xã: 15.000.000 đồng/đoàn thể/năm.

Nội dung này vẫn phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành. Do đó, so với quy định tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thì mức khoán này không thay đổi.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo:

- 1. Dự thảo Nghị quyết;*
- 2. Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;*
- 3. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức).*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp;
- Lưu: VT, KTTH, NCKSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Số: /2021/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2021

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT

về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHOÁ IV, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông"; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông: (Có quy định kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khoá IV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, Phòng CT HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố) và các đối tượng khác công tác ở xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và một số đối tượng khác công tác ở xã, thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không tiếp tục bố trí công tác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương II

CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG VÀ MỨC PHỤ CẤP VÀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

1. Số lượng: Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bố trí theo phân loại đơn vị hành chính, gồm:

- a) Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 12 người.
- b) Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa không quá 11 người.

c) Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa không quá 10 người.

2. Chức danh và mức phụ cấp/tháng như sau:

a) Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ: Mức phụ cấp bằng hệ số 2,0 so với mức lương cơ sở.

b) Cán bộ Đài truyền thanh - Quản lý Nhà văn hoá, Cán bộ Văn phòng – Tuyên giáo đảng ủy, Cán bộ Tổ chức – Kiểm tra đảng ủy: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,6 so với mức lương cơ sở.

c) Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,2 so với mức lương cơ sở.

d) Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Nhân viên thú y: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,1 so với mức lương cơ sở.

đ) Phó chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Thực hiện theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh.

3. Khoản quỹ phụ cấp:

Đối với những xã không lựa chọn việc chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã quy định tại khoản 2 Điều này thì có thể lựa chọn việc khoán kinh phí như sau (*mức khoán tối đa gồm cả chi cho kiêm nhiệm ở xã*):

a) Cấp xã loại 1: Mức khoán là 24,80 mức lương cơ sở/xã/tháng;

b) Cấp xã loại 2: Mức khoán là 21,80 mức lương cơ sở/xã/tháng;

c) Cấp xã loại 3: Mức khoán là 21,67 mức lương cơ sở/xã/tháng.

Điều 4. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn (*hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố*): Đối với thôn thuộc các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn thì mức phụ cấp bằng hệ số 1,2 so với mức lương cơ sở, đối với thôn, tổ dân phố còn lại mức phụ cấp là 1,0 so với mức lương cơ sở.

2. Trưởng ban Công tác mặt trận thôn, tổ dân phố: Đối với thôn thuộc các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn thì mức phụ cấp bằng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở, đối với thôn, tổ dân phố còn lại mức phụ cấp là 0,8 so với mức lương cơ sở.

Điều 5. Đối với bảo vệ dân phố

1. Số lượng:

a) Trưởng Ban bảo vệ dân phố: Mỗi phường, thị trấn bố trí 01 người.

b) Phó Ban bảo vệ dân phố: Mỗi phường, thị trấn bố trí 01 người.

c) Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: Mỗi tổ dân phố bố trí 01 người.

d) Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố: Mỗi tổ dân phố bố trí 01 người.

e) Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: Mỗi tổ dân phố bố trí không quá 05 người.

2. Mức phụ cấp:

a) Trưởng Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,9 so với mức lương cơ sở.

b) Phó Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,8 so với mức lương cơ sở.

c) Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở.

d) Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở.

đ) Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

Điều 6. Công an viên ở thôn

a) Mỗi thôn bố trí 01 công an viên.

b) Mức phụ cấp: Hưởng mức phụ cấp bằng hệ số 0,9 so với mức lương cơ sở.

Điều 7. Nhân viên y tế thôn bản

1. Số lượng:

Mỗi thôn: Tùy vào quy mô dân số và diện tích có thể được bố trí từ 01 đến 02 Nhân viên Y tế thôn bản.

Mỗi tổ dân phố bố trí 01 Nhân viên y tế thôn bản.

2. Mức phụ cấp:

a) Đối với vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Đối với thôn còn lại: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Đối với tổ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 8. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (khoán theo ngày công lao động và được tính hàng tháng cụ thể như sau):

1. Đối với thôn, tổ dân phố trên 350 hộ dân, thôn, tổ dân phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về An ninh, quốc phòng

a) Đối với Phó Bí thư, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 800.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với các Chi hội trưởng các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên hiệp phụ nữ ở thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 550.000 đồng/người/tháng.

2. Đối với thôn, tổ dân phố còn lại

a) Đối với Phó Bí thư, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 700.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với các Chi hội trưởng các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên hiệp phụ nữ ở thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 500.000 đồng/người/tháng.

Điều 9. Chế độ kiêm nhiệm

1. Cán bộ, công chức cấp xã chỉ được kiêm nhiệm 01 chức danh không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm là 90% phụ cấp của chức danh không chuyên trách đó.

2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố chỉ được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh không chuyên trách và mức phụ cấp khi kiêm nhiệm 01 chức danh là 90% mức phụ cấp của chức danh đó. Nếu kiêm nhiệm 02 chức danh thì được hưởng 90% mức phụ cấp của từng chức danh kiêm nhiệm đó.

Điều 10. Hỗ trợ kinh phí khi nghỉ việc

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi nghỉ việc nếu có thời gian công tác liên tục hoặc cộng dồn, có đủ hồ sơ quy định, khi nghỉ việc theo chế độ được trợ cấp nghỉ việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng 1/2 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng (*ngoài hưởng chế độ theo BHXH*). Cán bộ, công chức cấp xã khi thôi kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã thì không được nhận chế độ hỗ trợ này.

Điều 11. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Hoạt động phí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã: 20.000.000 đồng/năm.

2. Hoạt động phí của các đoàn thể: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã: 15.000.000 đồng/đoàn thể/năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Giao UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này./.

CHỦ TỊCH

BẢNG PHỤ LỤC DỰ KIẾN VỀ CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁC Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Mức phụ cấp đang chi trả theo Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các Nghị quyết có liên quan								Mức phụ cấp dự kiến chi trả theo dự thảo Nghị quyết mới								Ghi chú
TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Phụ cấp đặc thù	BHX H	Mức phụ cấp 01 người/tháng	Tổng kinh phí chi trả trong một năm	TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Phụ cấp đặc thù	BHX H, BHYT	Mức phụ cấp 01 người/tháng	Tổng kinh phí dự kiến chi trả trong một năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	Không chuyên trách ở cấp xã						33.380.529.600	A	Không chuyên trách ở cấp xã						30.774.162.000	
	Bổ trí Công an chính quy															
1	Phó Công an xã	66	1,80		0,17	2.935.300	2.324.757.600									
2	Phó Quân sự	142	1,80	0,90	0,17	4.276.300	7.286.815.200	1	Phó Quân sự	122	1,8	0,9	0,17	4.276.300	6.260.503.200	
3	Thủ quỹ-Văn thư-LT	71	1,80		0,17	2.935.300	2.500.875.600	2	Thủ quỹ-Văn thư-LT	71	2,00		0,17	3.233.300	2.754.771.600	
4	CB VP - Tuyên giáo	71	1,40		0,17	2.339.300	1.993.083.600	3	CB VP - Tuyên giáo	71	1,60		0,17	2.637.300	2.246.979.600	
5	CB Tổ chức - kiểm tra	71	1,40		0,17	2.339.300	1.993.083.600	4	CB Tổ chức - kiểm tra	71	1,60		0,17	2.637.300	2.246.979.600	
6	CB đài TT - nhà VH	71	1,60		0,17	2.637.300	2.246.979.600	5	CB đài TT - nhà VH	71	1,60		0,17	2.637.300	2.246.979.600	
7	Phó CT UBMTTQVN	142	1,20		0,17	2.041.300	3.478.375.200	6	Phó CT UBMTTQVN	142	1,20		0,17	2.041.300	3.478.375.200	
8	Chủ tịch Hội NCT	71	1,20		0,17	2.041.300	1.739.187.600	7	Chủ tịch Hội NCT	71	1,20		0,17	2.041.300	1.739.187.600	
9	Chủ tịch Hội CTĐ	71	1,20		0,17	2.041.300	1.739.187.600	8	Chủ tịch Hội CTĐ	71	1,20		0,17	2.041.300	1.739.187.600	
10	Phó BT Đoàn TN	71	1,10		0,17	1.892.300	1.612.239.600	9	Phó BT Đoàn TN	71	1,10		0,17	1.892.300	1.612.239.600	
11	Phó CT Hội LHPN	71	1,10		0,17	1.892.300	1.612.239.600	10	Phó CT Hội LHPN	71	1,10		0,17	1.892.300	1.612.239.600	
12	Phó CT Hội Nông dân	71	1,10		0,17	1.892.300	1.612.239.600	11	Phó CT Hội Nông dân	71	1,10		0,17	1.892.300	1.612.239.600	
13	Phó CT Hội CCB	71	1,10		0,17	1.892.300	1.612.239.600	12	Phó CT Hội CCB	71	1,10		0,17	1.892.300	1.612.239.600	
14	Nhân viên thú y	71	0,72			1.072.800	914.025.600	13	Nhân viên thú y	71	1,10		0,17	1.892.300	1.612.239.600	
	Hỗ trợ đối với xã có diện tích > 10.000 ha	20	2,00				715.200.000	Đề xuất bỏ nội dung này								
Tổng 16 vị trí/xã								Tổng 15 vị trí/xã								

B	Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn						51.794.784.000	B	Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn						68.807.784.000
I	Ở thôn > 350 hộ, thôn thuộc xã trọng điểm ANTT, xã Biên giới						25.006.968.000	I	Ở thôn > 350 hộ, thôn thuộc xã trọng điểm ANTT, xã Biên giới						27.555.528.000
1	Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn	518	1,20		1.788.000	11.114.208.000	1	Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn	518	1,20		1.788.000	11.114.208.000		
2	Trưởng Ban công tác Mặt trận	259	1,00		1.490.000	4.630.920.000	2	Trưởng Ban công tác Mặt trận	259	1,00		1.490.000	4.630.920.000		
3	người tham gia vào việc của thôn, TDP				2.980.000	9.261.840.000	3	PBT, Phó thôn	518			800.000	4.972.800.000		
							4	Trưởng 4 chi hội: ND, PN, ĐTN, CCB	1036			550.000	6.837.600.000		
II	Ở thôn, TDP còn lại						26.787.816.000	II	Ở thôn, TDP còn lại						41.252.256.000
1	Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn	908	1,00		1.490.000	16.235.040.000	1	Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn	908	1,00		1.490.000	16.235.040.000		
2	Trưởng Ban công tác Mặt trận	454	0,80		1.192.000	6.494.016.000	2	Trưởng Ban công tác Mặt trận	454	0,80		1.192.000	6.494.016.000		
3	Người tham gia vào công việc của thôn, TDP				745.000	4.058.760.000	3	PBT, Phó thôn	908			700.000	7.627.200.000		
							4	Trưởng 4 chi hội: ND, PN, ĐTN, CCB	1816			500.000	10.896.000.000		
	3 vị trí/thôn							Riêng mục 3, 4 quy thành đối tượng khác (ko gọi là người không chuyên trách)							
C	Chức danh bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn						3.223.764.000	C	Chức danh bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn						7.114.452.000
1	Trưởng ban	11	0,50		745.000	98.340.000	1	Trưởng ban	11	0,90		1.341.000	177.012.000		
2	Phó Trưởng ban	11	0,45		670.500	88.506.000	2	Phó Trưởng ban	11	0,80		1.192.000	157.344.000		
3	Tổ trưởng	79	0,40		596.000	565.008.000	3	Tổ trưởng	79	0,70		1.043.000	988.764.000		
4	Tổ phó	79	0,35		521.500	494.382.000	4	Tổ phó	79	0,60		894.000	847.512.000		
5	Tổ viên	553	0,20		298.000	1.977.528.000	5	Tổ viên	553	0,50		745.000	4.943.820.000		

